

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 93

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ bảy, dòng thứ hai, xem từ dòng thứ hai.

“*Bốn kinh dĩ thượng tam đại sĩ vi Bồ Tát chúng trung thượng thủ, cái nhân tam đại sĩ Tịnh Độ duyên thâm, chánh hảo ảnh hưởng hải hội đại chúng đồng quy Tịnh Độ*” (Trong kinh này, ba vị đại sĩ trên đây là thượng thủ trong hàng Bồ Tát, do vì ba vị đại sĩ có duyên sâu đậm với Tịnh Độ, rất phù hợp để tạo ảnh hưởng khiến đại chúng cùng quay về Tịnh Độ). Mấy câu này vô cùng hay, khiến tôi cảm xúc rất sâu, vì quả thật ba vị đại Bồ Tát ấy đã hướng dẫn tôi quay về Tịnh Độ, pháp môn này quả thật là pháp khó tin. Đặc biệt là nói [pháp môn này] với những người hiện đang được gọi là “thành phần trí thức” càng đặc biệt khó khăn, vì sao? Sở Tri Chương quá nặng. Nếu lại thêm Phiền Não Chương, chuyện này sẽ rất phiền phức. Phiền Não Chương nhẹ nhàng, Sở Tri Chương nặng nề, cũng rất khó trở về Tịnh Độ. Chúng ta xem tiếp trang sau: “*Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm trung Phổ Hiền Bồ Tát ở trong rừng Thệ Đa lâm trung, phát thập đại nguyện vương*” (trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, Phổ Hiền Bồ Tát ở trong rừng Thệ Đa phát ra mười đại nguyện vương). Thệ Đa Lâm tức là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên¹, chúng ta thấy Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị phải nhớ: Mười nguyện ấy giống như một tòa cao ốc mười tầng, lễ kính là tầng thứ nhất, xưng tán là tầng thứ hai, cúng dường là tầng thứ ba, sám trừ nghiệp chướng là tầng thứ tư, càng về sau càng phát triển cao hơn, tầng sau nhất định bao gồm tầng trước, nhưng tầng trước chẳng bao gồm tầng sau. Tầng thứ nhất không bao hàm tầng thứ hai, nó có thể độc lập; tầng thứ hai nhất định có tầng thứ nhất, không có tầng thứ nhất sẽ chẳng thể xây dựng được. Từ chỗ này, chúng ta biết: Nếu không có lễ kính, tâm cung kính chẳng thể sanh khởi, thứ gì cũng chẳng có. Quý vị không có tầng thứ nhất, toàn bộ đều chẳng có! Ngàn vạn phần chớ nên sơ sót. [Nếu nghĩ] cung kính qua loa một chút là được rồi, không được đâu nhé! Qua quít không được! Hễ qua quít là thôi rồi! Vì vậy, quý vị thấy trong pháp thế gian, người Trung Quốc từ xưa tới nay [tự hào Trung Hoa là] “*lễ nghĩa chi bang*” (đất nước lễ nghĩa). Chúng ta mở sách Lễ Ký ra xem, câu đầu tiên là

¹ Thệ Đa là cách phiên âm khác của chữ Jeta. Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumāra) cùng trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tinh xá này.

“*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ² nói: “Không gì chẳng kính”), quý vị thầy, [cổ nhân] đặt lễ kính vào hàng đầu, bèn biết pháp môn này trọng yếu ngàn ấy!

Giữa những người quá thân thuộc với nhau, suông sã một tí, cần gì phải bày vẽ màu mè như thế? Trọn chẳng biết đây không phải là bày vẽ màu mè, mà [lễ kính] phát xuất từ trong nội tâm, tánh đức tự nhiên lưu lộ, lại còn phải vĩnh viễn chẳng suy thì pháp thế gian và pháp xuất thế gian mới có thể kiến lập. Lễ kính hơi suy một chút, chắc chắn sau đó sẽ nảy sanh vấn đề. Người sáng mắt hiểu rõ: Lễ số bị suy kém một chút, đó là tín hiệu cho thấy [đoàn thể] bị phân tán, sắp phải chia tay, đã có chuyện thay đổi! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ: Chẳng thể điên đảo thứ tự! Cùng một đạo lý, Bồ Tát tu sáu Ba La Mật, thứ nhất là bố thí, thứ hai là trì giới, thứ ba là nhẫn nhục, thứ tư là tinh tấn; nếu chẳng có bố thí, toàn bộ những điều sau đó cũng chẳng có! Kẻ không chịu bố thí làm sao trì giới được? Chẳng thể nào! Không thể trì giới, làm sao kẻ ấy tu nhẫn nhục cho được? Trong Phật pháp, đức hạnh có rất nhiều thứ, nhưng chắc chắn không thể đảo lộn thứ tự các đức hạnh trong tu hành. Hễ thứ tự bị xáo trộn bèn rối loạn, đến cuối cùng chẳng có chuyện nào thành tựu! Đối với lễ kính, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*lễ kính chư Phật*”, từ cơ sở này mà tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây mới là công đức xứng tánh viên mãn, làm sao có thể coi thường cho được? Những gì do chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đã kiến lập, nhất định có đạo lý to lớn trong ấy, chúng ta phải tin sâu chẳng nghi, phải nghiêm túc học tập, tuân thủ các lời răn dạy mới hòng thành tựu. “Phổ giai hồi hướng” là tầng lầu thứ mười ở tận trên cùng, là chót đỉnh của tháp báu, “phổ giai hồi hướng” nghĩa là gì? Chính là nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, cơ sở của phổ độ là lễ kính.

Sau khi đã phát mười đại nguyện vương, Phổ Hiền Bồ Tát nói tiếp, những điều ấy đều là lời phát nguyện của Ngài, “*thị nhân lâm mạng chung thời, tối hậu sát-na*” (người ấy lúc sắp lâm chung, trong sát-na cuối cùng), tức là trong hơi thở cuối cùng, “*nhất thiết chư căn tất giai tán hoại*” (hết thảy các căn thảy đều hư hoại), cái thân vật chất bị tan nát. “*Nhất thiết quyền thuộc tất giai xả ly*” (hết thảy quyền thuộc thảy đều lìa bỏ), khi ấy quý vị không buông xuống cũng chẳng được, chẳng còn là người nhà quyền thuộc của quý vị nữa, duyên trong đời này đã hết, đã chấm dứt rồi. “*Nhất thiết oai thế tất giai thoái thất*” (hết thảy quyền uy, thế lực thảy đều lui mất), oai đức, quyền lực của quý vị đến lúc ấy đã chấm dứt rồi. “*Phụ tướng đại thân*”, nếu quý vị mang thân phận quốc vương thì [từ ngữ “phụ tướng đại thân”] nói đến Tể Tướng, bầy tôi của quý vị. “*Cung thành nội ngoại*” (cung thành trong ngoài), đây là cửa cải và cung điện của quý

2 Khúc Lễ là một cuốn sách nhỏ, không rõ ai là tác giả, được ghép thành một bộ phận của Lễ Ký. Khúc Lễ ghi chép chi tiết về những ứng xử nhằm đúng lễ, đúng mực, kể cả những câu châm ngôn dạy thái độ sống như “*ngạo bất khả trường, dục bất khả tòng, chí bất khả mãn, lạc bất khả cực*” (chớ nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo, chớ nên chạy theo lòng ham muốn, chớ nên đắc chí, chớ nên vui sướng quá mức).

vị. “*Tượng mã xa thặng*” (xe voi, xe ngựa), đây là công cụ giao thông, đều rục rờ, xa hoa nhất, thù thắng nhất. “*Trân bảo phục tạng*” (kho tàng quý báu), những món quý báu, đồ cổ quý vị đã thu thập. “*Như thị nhất thiết vô phục tương tùy*” (hết thấy những thứ như vậy chẳng còn theo ta nữa), chẳng có thứ gì là của quý vị, khi ấy quý vị liền biết, nguyên lai, ngay cả cái thân của chính mình cũng chẳng phải là của chính mình! Có thân thể này, quý vị có hết thấy những thứ đó, thân thể chẳng còn, toàn bộ hết thấy những thứ kèm theo đều chẳng còn nữa! Những điều ấy nói với chúng ta một chân tướng sự thật, mỗi cá nhân đều chẳng thể tránh khỏi, cái thân xác thịt này đã có sanh nhất định phải chết, đó là hiện tượng tự nhiên. Một năm có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông luân chuyển, luôn đổi dời chẳng ngừng, không thể ngưng lại được, biến hóa trong từng sát-na. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, phàm thứ gì không mang theo được hãy buông xuống, chớ nên ghim trong lòng. Thứ gì thật sự mang theo được hãy nên giữ nơi tâm, niệm niệm chẳng xả, đó là đúng!

Tôi nhớ cư sĩ Lưu Tố Vân có báo cáo, quý vị có thể xem đĩa CD của bà ta, trong ấy bà ta có kể một câu chuyện thật, chẳng giả, một bạn gái thân thiết than vãn chồng cô ta lẳng nhăng bên ngoài. Bà ta bảo người bạn gái ấy: “Đó là chồng cô dan díu bên ngoài, cô có biết hai chữ trọng phu giải thích như thế nào hay không? Trọng là xa đến một trọng, trong vòng một trọng là chồng cô, ngoài một trọng chẳng phải nữa. Cô bạn tâm làm gì?” Đó là khuyên người khác buông xuống, chẳng nên tự tìm phiền não. Cùng một đạo lý, chúng ta hãy mở rộng ra để quan sát, thân thể này, một hơi thở chưa đoạn thì còn sống, là của chính mình; hễ một hơi thở chẳng hít vào được nữa, chẳng phải là của ta. Quần áo quý vị mặc trên người là của chính quý vị, bỏ chúng vào trong tủ áo bên chẳng phải là của quý vị. Căn nhà quý vị đang ở, hôm nay quý vị ở trong căn nhà ấy thì nó là của quý vị, quý vị rời khỏi nhà, nó chẳng phải là của quý vị nữa. Trong túi quý vị chứa bao nhiêu tiền thì là của quý vị, tiền trong ngân hàng chẳng phải là của chính mình. Nếu chúng ta có thể quán như thế, tâm thanh tịnh sẽ rất nhanh chóng hiện tiền, đây là nói lời thật với quý vị, chẳng nói giả dối. Buông xuống, bảo quý vị hãy thời thời khắc khắc quán tưởng, tự nhiên quý vị có thể buông xuống. Sau khi buông những thứ tạp nhạp xuống, Phật hiệu mới dậy lên được, đó là thật, vì sao? Mang theo được! Khi ta mạng chung sẽ sang thế giới Cực Lạc. Trong sát-na cuối cùng, nếu quên mất Phật hiệu, vẫn mê luyến những thứ ấy, quý vị lại luân hồi trong lục đạo, chẳng phải là bỏ lỡ cơ hội vãng sanh Tây Phương ư? Thật đáng tiếc! Tôi cũng gặp chuyện giống như người bạn thân tố khổ với Lưu cư sĩ, tôi cũng từng gặp phải chuyện đó. Một vị nữ cư sĩ kể về chồng bà ta dan díu bên ngoài, hỏi tôi nên làm sao? Tôi nói: “Điều ấy rất hợp để giúp cho bà niệm Phật, bà đừng bận lòng, cứ để chồng làm theo ý muốn sẽ hay hơn. Không chỉ chẳng oán hận, mà còn cảm tạ người tình của chồng. Nếu không, bà phải chăm sóc chồng, công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Có một người tốt như thế đến giúp đỡ bà, đó là chuyện tốt, Bồ Tát đấy!” Chuyện thế gian chẳng có gì tuyệt đối phải, trái, đúng, sai, chẳng có, đều là trong một niệm của chính mình. Một niệm đã giác ngộ, ai nấy đều là

người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt, đều do trong một niệm, tùy thuộc quý vị chuyên ý niệm theo cách nào! Vì vậy, niệm nhiều những đoạn kinh văn như thế này sẽ có lợi.

Tiếp theo đó là “*duy thử nguyện vương bất tương xả ly*” (chỉ có nguyện vương này chẳng bỏ lia), chẳng phải là bảo quý vị niệm mười đại nguyện vương, mà là bảo quý vị hãy hành. Lễ kính chư Phật là quan hệ luân lý rất ráo viên mãn trong Phật môn, quý vị thấy pháp thế gian được thực hiện từ đâu? Từ “*phụ tử hữu thân*”, tức là thực hiện bằng tình thân ái. Trong Đại Thừa Phật pháp, Hoa Nghiêm là Nhất Thừa Phật pháp được thực hiện từ đâu? Thực hiện từ “*lễ kính chư Phật*”. Xét theo ý vị, ý vị thế gian và pháp vị là một vị, chẳng hai, chớ nên không biết điều này; nhưng phạm vi của lễ kính chư Phật to lớn, lớn đến mức độ nào? Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Đại nhi vô ngoại, tiểu nhi vô nội*” (không gì lớn ở ngoài, không gì nhỏ nhoi chẳng ở trong), toàn bộ đều bao gồm trong ấy. Chư Phật là gì? Chư Phật là tự tánh, chúng ta gọi người minh tâm kiến tánh là Phật. Quá khứ Phật là Phật đã thành, hiện tại Phật cũng đã minh tâm kiến tánh, vị lai Phật là ai? Vị lai Phật chính là chúng ta, là hết thảy hữu tình chúng sanh, hoàn toàn là vị lai Phật, muỗi, trùng, kiến là vị lai Phật, các loài trùng ngọ ngoạy, bay, bò là vị lai Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói càng khéo: “*Tinh và vô tình đều cùng viên thành Chung Trí*”, ý nghĩa này bao hàm điều gì? Hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, vô tình chúng sanh cũng là vị lai Phật. Vô tình là gì? Hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, các hiện tượng vũ trụ toàn bộ đều là vị lai Phật, đều do tự tánh biến hiện, lìa khỏi tự tánh sẽ chẳng có một pháp nào để được. Nhà Phật thường nói: “*Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. Những năm qua, chúng tôi đề xướng Tam Thời Hệ Niệm là trợ tu; trong nghi thức ấy, thiền sư Trung Phong đã bảo: “*Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta. Phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, loại nhận thức, ngôn hạnh như thế được gọi là “*lễ kính chư Phật*”.

Quý vị thấy Phật pháp giảng luân lý, đúng là giảng đến ráo viên mãn; đối với một sợi lông trong chánh báo, y báo trên đầu một sợi lông của chúng ta được gọi là một hạt vi trần. Các nhà khoa học hiện thời phân tích, biết nguyên tử có thể phân tích [nhỏ hơn], điện tử vẫn có thể phân tích, phân tích đến hạt cơ bản, phân tích đến khoa khắc (quartz), vẫn còn có thể phân tích [nhỏ hơn nữa], hiện thời đã phân tích đến tiểu quang tử (photon); các nhà khoa học đặt cho nó cái tên là lượng tử (quantum), nói chung là chẳng còn cách nào phân tích nhỏ hơn nữa! Đó là vật chất nhỏ nhất trong vũ trụ; trong Phật pháp [vật chất nhỏ nhất] được gọi là “*cực vi chi vi*” đã bị họ phát hiện. Các nhà khoa học nói trên thế giới không có vật chất, họ nói rõ vật chất chẳng tồn tại, vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng được phát sanh bởi ý niệm tích lũy, hiện tượng ấy chính là tiểu quang tử, nó là từ trong Không sanh ra Có. Hơn nữa, tốc độ vô cùng nhanh chóng, vừa thấy nó sanh, nó đã diệt, gần như là gì? Sanh diệt đồng thời, tốc độ nhanh ngàn ấy! Vì thế, hiện tượng vật chất là một thứ huyền tượng tích lũy liên tục phát sanh. Hơn nữa, họ còn phát hiện những vật chất vô cùng vi tế ấy cũng có tác dụng tinh thần, [tác dụng]

tin thần là gì vậy? Trong tự tánh, chúng được gọi là “kiến, văn, giác, tri” (thấy, nghe, hay, biết). Khi mê, nơi hiện tượng vật chất, chúng (kiến, văn, giác, tri) được gọi là Thọ, Tướng, Hành, Thức, đây chính là A Lại Da, [nói chính xác hơn, đó] là ba tế tướng của A Lại Da. Nói theo Lý, quả thật có thứ tự trước sau, nhưng trên mặt Sự, chẳng nhìn ra thứ tự trước sau, nó quá nhanh chóng, quá lạ lùng! Từ ba ngàn năm trước, trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: *“Một niệm bất giác bèn có vô minh”*. Vô minh là ba tế tướng, từ ba tế tướng sanh ra sáu thô tướng. Tướng thứ nhất trong sáu thô tướng là Trí Tướng, người hiện thời gọi Trí là tri thức (kiến thức), thưa quý vị, Trí ấy chẳng phải là trí huệ, mà là tri thức. Loại thứ hai là Tương Tục Tướng, thứ ba là Chấp Thủ Tướng; thứ tư là Phân Biệt; thứ năm là Nghiệp Tướng, tạo nghiệp, thứ sáu là Nghiệp Hệ Khổ Tướng, đó là quả báo. Quả báo luân hồi trong lục đạo, ba tế, sáu thô, có thể nói là sáu thô bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Cũng như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã báo cáo năm câu, câu cuối cùng là *“nào ngờ tự tánh, có thể sanh vạn pháp”*, ba tế, sáu thô sanh ra vạn pháp, sáu thô tướng chính là vạn pháp. Nay chúng ta mê nơi sáu thô tướng, chẳng thể giác ngộ, chẳng thể quay đầu, khi nào quay đầu sẽ giác ngộ, sẽ tu hành chứng quả. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta quay đầu, dùng phương pháp gì? Chỉ có nguyện vương này chẳng lia bỏ. Quý vị tu hành mười đại nguyện vương, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, bèn thành tựu trong một đời này.

“U nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền” (trong hết thảy các thời, nó dẫn đường trước mặt), nguyện vương ấy dìu dắt quý vị. *“Nhất sát-na trung tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”* (trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc), mười đại nguyện vương này là mười nguyện phải phát, chẳng phải phát bằng miệng, chỉ phát nguyện bằng tâm, chẳng khởi tác dụng, phải từ trong tâm phát ra, phải thực hiện lễ kính. Lễ là bề ngoài, Kính là trong tâm, biểu hiện ra ngoài bằng chân tâm thương yêu, cung kính. Nay chúng ta trông thấy người khác, ắt phải cúi gập người chín mươi độ để chào, đối với bất cứ ai đều biểu thị sự lễ kính. Đối với muỗi, kiến, có cần phải cúi gập người chín mươi độ để chào hay chẳng? Quý vị cũng cúi gập người chín mươi độ để chào, người ta sẽ nói quý vị là kẻ ngốc! Thấy hoa, cỏ, cây cối cũng cúi gập người chín mươi độ để chào ư? Chẳng phải vậy! Chân tâm yêu thương, hãy chấp tay niệm Phật hồi hướng, thuyết pháp cho nó. Cái bàn, băng ghế dài cũng là một trong các vị Phật, ta có nên hành lễ với cái bàn hay chẳng? Chẳng phải, lễ kính bàn ghế là lau chùi sạch sẽ, sắp xếp ngay ngắn, đó là lễ kính! Vì vậy, lễ kính do người, do thời, do nơi chốn, sống động, chứ không chết cứng, chẳng phải là khô khan, mà là sống động, linh hoạt. Trong tâm thật sự thành kính, sẽ chẳng có gì không đúng pháp, thứ gì cũng đều đúng pháp, chúng ta thật sự có thể cảm động người khác, có thể giúp cho người khác “quay đầu là bờ”. Vì thế, tự hành thật sự là hóa tha, thật sự hóa tha nhất định phải tự hành. Tự hành và hóa tha là một chuyện, chẳng phải hai chuyện.

Vãng sanh thế giới Cực Lạc, “*đáo dĩ, tức kiến đáo A Di Đà Phật*” (đã đến [cõi Cực Lạc] liền thấy A Di Đà Phật). Vì sao? Đó là pháp Nhất Thừa, dùng mười đại nguyện vương tu pháp môn Niệm Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là trong cõi Đồng Cư, cũng chẳng phải trong cõi Hữu Dư, mà là trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Quý vị không tin thì hãy thử xem, quý vị có thể đối với đá, đối với bùn cát cung kính chân thành dường ấy, quý vị sẽ cung kính người khác chẳng khác gì cung kính A Di Đà Phật. Tâm chân thành như vậy sẽ tự nhiên tương ứng với cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật Như Lai đối với vạn sự, vạn pháp, vạn vật đều cung kính như thế, quý vị học theo chư Phật Như Lai không hai, không khác, nên phẩm vị của quý vị trong bốn cõi, ba bậc, chín phẩm nơi thế giới Tây Phương sẽ cao. Nho gia nói đến quan hệ nhân luân cao nhất là “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (hễ là người đều phải yêu), chẳng nói đến động vật. Nếu động vật cũng nói đến thì là “*ái ốc cập điểu*” (yêu nhà, yêu lây cả chim), đó là nói đến động vật; nhưng chẳng nói đến cây cối, hoa, cỏ, chẳng nói đến núi, sông, đại địa, chẳng nói đến hiện tượng tự nhiên. Phật pháp thấy đều nói tới, toàn bộ được bao gồm trong ấy; vì thế, luân lý rất ráo viên mãn ở trong kinh Đại Thừa. Người ấy đến nơi đó thấy A Di Đà Phật, thấy Pháp Thân và Báo Thân của A Di Đà Phật Pháp Thân, chẳng phải là Ứng Hóa Thân.

“*Hựu kệ vân*” (lại nói kệ rằng), tiếp theo đó là tám câu kệ, đây là Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ [bài kệ này được chép] trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng ta hãy đọc mấy câu kệ đó. “*Nguyện ngã*” (nguyện tôi), “*ngã*” là Phổ Hiền Bồ Tát tự xưng, “*lâm dục mạng chung thời*”, tức là khi thọ mạng chấm dứt, “*tận trừ nhất thiết chư chướng ngại*” (trừ sạch hết thảy các chướng ngại), khi mất chẳng có chướng ngại, vì sao? Thấy đều buông xuống. Hễ có một chuyện chẳng buông xuống được sẽ trở thành chướng ngại, chuyện nhỏ nhỏ bé đến mấy cũng rất phiền phức, chướng ngại quý vị chẳng thể vãng sanh, chướng ngại khiến quý vị tiếp tục luân hồi trong lục đạo, quý vị nói xem chuyện này có phiền phức hay không? “*Điện kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát*” (gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc), chẳng có chướng ngại nên quý vị mới có thể thấy Phật, sanh Tịnh Độ. “*Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ, hiện tiền thành tựu thủ đại nguyện*” (tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi, hiện tiền thành tựu đại nguyện này), mười đại nguyện vương phải được thực hiện viên mãn rất ráo khi nào? Trong thế giới Cực Lạc. Vì vậy, quý vị thật sự thực hiện viên mãn rất ráo mười đại nguyện vương, thế giới Cực Lạc sẽ hiện tiền, vì sao? Thế giới Cực Lạc do ý niệm của quý vị biến hiện. Đúng là “*phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này*”, ý niệm mười đại nguyện vương biến hiện thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm của A Di Đà Phật. “*Nhất thiết viên mãn tận vô dư, lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới*” (hết thảy viên mãn chẳng còn sót, lợi lạc hết thảy chúng sanh giới), chính mình đã thành tựu, lại thành tựu hết thảy chúng sanh giới. Lợi ích như thế nào? Giáo hóa. Phổ Hiền Bồ Tát cũng là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, khởi cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh hữu duyên. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn hiện thân, giống như Quán

Thế Âm Bồ Tát “*nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy*”. Tám câu ấy là lời phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

Kể đó, chúng ta lại xem Văn Thù Bồ Tát, [xem xong lời] phát nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, lại xem tới ngài Văn Thù, lời nguyện của ngài Văn Thù hầu như hoàn toàn giống với Phổ Hiền Bồ Tát: “*Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chương ngại, diệt kiến A Di Đà, vãng sanh An Lạc sát*” (nguyện tôi lúc mạng chung, diệt trừ các chương ngại, gặp gỡ A Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc), cõi An Lạc chính là thế giới Cực Lạc. “*Sanh bi Phật quốc dĩ, thành mãn chư đại nguyện, A Di Đà Như Lai, hiện tiền thọ ngã ký*” (Sanh về cõi ấy rồi, thành mãn các đại nguyện, A Di Đà Như Lai, bèn hiện tiền thọ ký), Như Lai thọ ký Bồ Tát thành Phật viên mãn. “*Như thị lưỡng đại sĩ, phát thù thắng đại nguyện, cầu sanh Cực Lạc, khả khuyến nhất thiết Bồ Tát, giai ngưỡng tín Văn Thù chi đại trí, nhập Phổ Hiền chi đại hạnh, phổ đạo chúng sanh, đồng quy Cực Lạc*” (Hai vị đại sĩ phát đại nguyện thù thắng, cầu sanh Cực Lạc như vậy, có thể khuyến hết thảy các vị Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng đại trí của Văn Thù, nhập đại hạnh của Phổ Hiền, dẫn dắt trọn khắp các chúng sanh đều về Cực Lạc). Xưa kia, khoảng chừng ba mươi năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng dùng một thời gian rất dài [mà chỉ] giảng được một nửa. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng ba ngày, hai ngày giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, mỗi tuần giảng sáu giờ, mỗi lần hai giờ. Giảng được một nửa, bỗng có ngày tâm tình sôi nổi, đột nhiên nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài là đệ tử đặc ý của Văn Thù Bồ Tát, cũng có thể nói Ngài là truyền nhân của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu pháp môn gì? Điều này thuộc phần sau, vẫn chưa giảng đến, tôi vừa mới thừa cùng quý vị, đối với đoạn văn này, vừa mới đọc đến đoạn văn này trong quyển bốn mươi của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tôi lật kinh ra, xem đến phần sau, thấy đoạn này, hoảng nhiên đại ngộ, lúc đó mới thật sự tin tưởng Tịnh Độ, nhất tâm quy mạng pháp môn Tịnh Độ, cũng nguyện sanh về cõi Cực Lạc giống như Bồ Tát, đích thân phụng sự A Di Đà Phật. Trước đó, thầy Lý đã khuyên tôi rất nhiều lần, nhưng tôi cũng chẳng có cách nào tiếp nhận. Tôi học Phật là do theo tiên sinh Phương Đông Mỹ học Triết Học Nhập Môn, thầy Phương đặc biệt giới thiệu kinh Hoa Nghiêm cho tôi, bảo tôi “bộ sách ấy” vốn là khái luận của Đại Thừa Phật học, cụ dùng danh xưng ấy để giới thiệu. Cụ nói “bộ sách” ấy viết hay lắm, trên cả thế giới không có sách Triết Học nào hay hơn được! Trong sách ấy có lý luận viên mãn, có phương pháp tinh tế, phía sau lại còn kèm theo năm ba mươi lần biểu diễn, biểu diễn gì vậy? Thực hiện lý luận và phương pháp ấy như thế nào trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật; vì thế, thầy Phương mới nói: “*Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Thầy Phương không khuyên tôi tu Tịnh Độ, thầy dạy tôi hãy nhập môn từ Pháp Tướng Tông, đối với những thành phần tri thức thông thường thì phải giới thiệu như vậy. Phần tử tri thức ham học, nghe nhiều, Pháp Tướng Duy Thức hết sức phù hợp khẩu vị của họ. Do vậy, họ bài xích Tịnh Độ, cho là gì? “Giáo pháp của mấy bà già! Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, thấy những

kẻ ngu si ấy chẳng có cách nào học tập, bèn khuyên họ niệm A Di Đà Phật”. Tâm thái nhìn nhận Tịnh Độ như vậy là nhìn sai bét rồi!

Chương Gia đại sư là Thượng Sư bên Mật Tông, Ngài khuyên tôi “*Mật Giáo nhất định phải tu học từ Hiến Giáo*”, dạy tôi hãy nương theo kinh luận Đại Thừa, Ngài cũng chẳng khuyên tôi tu Tịnh Độ. Sau này, gặp thầy Lý, thầy Lý học với Ấn Quang đại sư là bậc đại đức trong Tịnh Tông, biết sự thù thắng của Tịnh Độ, nhưng cụ khuyên tôi rất nhiều lần, tôi chẳng bài xích, chẳng khinh dễ Tịnh Độ. Cụ đưa Ấn Quang Văn Sao cho tôi xem, tôi đọc xong một lượt, đối với Tịnh Độ có chút ấn tượng, chẳng hề hủy báng, cũng tán thán, nhưng chính mình chẳng chịu học, mà học kinh điển Đại Thừa. Thầy giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Trung, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc, giảng đến một nửa đột nhiên nghĩ đến chuyện này, xem đoạn văn này mới quay đầu là bờ, thật sự phát tâm. Vì thế, tôi từ học Phật mà trở về Tịnh Độ, nói chung, hai mươi năm trước chẳng thật sự dụng tâm đọc kinh Tịnh Độ, hai mươi năm sau mới bắt đầu nghiêm túc đọc tụng kinh luận Tịnh Độ. Tôi tin tưởng, Phật, Bồ Tát đã bảo là pháp khó tin, đối với tôi quả thật khó tin. Nếu không có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, tôi chẳng thể trở về Tịnh Độ, những bộ đại kinh ấy đã dẫn dắt tôi về Tịnh Độ. Vì thế, tôi có ấn tượng rất sâu đối với mấy câu này. Hết thầy Bồ Tát đều ngưỡng mộ, tin tưởng Văn Thù đại trí, Phổ Hiền đại hạnh. “*Ngưỡng*” (仰) là kính ngưỡng, chẳng còn bàn cãi nữa, hai vị Bồ Tát này là đại trí, đại hạnh. “*Phổ đạo chúng sanh đồng quy Cực Lạc. Thị cố thử kinh, liệt vi thượng thủ. Thứ lệ Di Lặc giả, Đại Bảo Tích Kinh, Phát Thắng Chí Nhạo hội, Di Lặc vấn Phật, nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hướng u A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới*” (hướng dẫn trọn khắp chúng sanh cùng về Cực Lạc. Vì thế, kinh này xếp các Ngài vào hàng thượng thủ. Kế đó, nêu tên ngài Di Lặc. Trong pháp hội Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo của kinh Đại Bảo Tích, ngài Di Lặc hỏi Phật: “Nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, do mỗi tâm chuyên niệm, hướng về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung sẽ sanh về thế giới của đức Phật ấy”). Đây là trong kinh Bảo Tích, trong hội ấy, Di Lặc Bồ Tát có nói mấy câu như vậy. Ngài nói nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, chúng tôi trích lục mười loại tâm ấy từ Tam Tạng Pháp Số, đều sao lục từ kinh Bảo Tích, rất quan trọng.

Kinh dạy như thế này: “*Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích*” (Di Lặc Bồ Tát bạch Phật: “Như đức Phật đã nói về công đức và lợi ích trong thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật”), những điều ấy do đức Thế Tôn giảng cho Di Lặc Bồ Tát, “*nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm chuyên niệm bỉ Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh dã*” (nếu có chúng sanh phát mười loại tâm, dùng mỗi tâm để chuyên niệm đức Phật ấy, người đó mạng chung sẽ được vãng sanh). Chúng ta phải nghiêm túc học tập mười loại tâm ấy, hai loại đầu tiên biểu thị lòng đại từ đại bi của Di Lặc Bồ Tát.

Thứ nhất là “*vô tổn hại tâm*”, người niệm Phật đều phải tu mười loại tâm ấy. “*Niệm Phật chi nhân, u chư chúng sanh, thường khởi đại từ chi tâm, bất gia tổn hại, linh đắc khoái lạc, thị danh vô tổn hại tâm*” (người niệm Phật thường khởi tâm đại từ đối với các chúng sanh, chẳng gây tổn hại, khiến cho họ được vui sướng, nên gọi là tâm chẳng tổn hại). Từ bi làm đầu, phát tâm ấy như thế nào? Người bình thường chẳng phát được, chỉ có Đại Thừa Bồ Tát, vì sao? Đại Thừa Bồ Tát mới thật sự biết chúng sanh trong pháp giới vốn cùng một Thể. Sách Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư đã giảng nguyên khởi của vũ trụ, đây là một đại vấn đề, là một vấn đề lớn trong triết học và khoa học, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có cách nào giải quyết. Biết có chuyện ấy, nhưng chuyện ấy rất ráo là như thế nào, chẳng ai có thể nói được. Vũ trụ do đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Con người do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Trọng yếu nhất là ta, ta do đâu mà có? Chỉ trong Đại Thừa Phật pháp là những vấn đề ấy được giảng rõ ràng, ngay cả các nhà khoa học Lượng Tử hiện thời cũng chẳng có cách nào giảng rõ ràng như đức Phật. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch thì khắp pháp giới hư không giới và chính mình vốn là một, một Thể, một thân, thân ấy được gọi là Pháp Thân, chẳng phải là thân nghiệp báo, mà là Pháp Thân. Thân nghiệp báo là một phân tử, một tế bào, một sợi lông trong Pháp Thân.

Pháp Thân không có sanh diệt, đạo lý “*chẳng sanh diệt*” này nói rất sâu. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật bảo chúng ta “*vốn chẳng sanh*”. Nếu chẳng sanh, lấy đâu ra diệt? Có hiện tượng hay không? Có, nhưng khó hiểu. Có hiện tượng thì có sanh diệt, có sao có thể nói là “*vốn chẳng sanh?*” Trong khi giảng kinh, đức Phật rất khéo dùng tỷ dụ, khiến cho chúng ta từ tỷ dụ sẽ thấu hiểu. Tỷ dụ được dùng nhiều nhất là nằm mộng, vì mỗi cá nhân đều có kinh nghiệm nằm mộng, nên dùng mộng làm tỷ dụ mọi người sẽ chẳng cảm thấy xa lạ, xưa, nay, trong, ngoài nước mọi người đều nằm mộng. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật nói bốn câu kệ: “*Hết thấy các pháp hữu vi*”, hết thấy các pháp hữu vi là Pháp Thân, “*như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Như mộng, huyễn, bọt, bóng là không có sanh diệt; vốn không sanh, há có diệt! Vì sao? Giả, chẳng thật, khi nằm mộng thì có, sau khi tỉnh mộng bèn chẳng còn nữa, rỗng tuếch! Khi mộng thì chẳng sanh, khi tỉnh cũng không diệt, căn bản là không có chuyện này. Phật dùng điều này để tỷ dụ điều gì? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng cảnh. Có thời gian dài hay ngắn hay không? Thừa quý vị, không có, trong mộng có thời gian, sau khi tỉnh lại bèn chẳng còn thời gian nữa. Không chỉ chẳng có thời gian, mà không gian cũng chẳng có, không gian là gì? Ngay trong giây phút này. Đối với những lời kinh ấy và những ý nghĩa ấy, chúng ta phải rất chú tâm quán chiếu, thấu hiểu thì mới có thể nhận thấy đức Phật nói chẳng sai! Khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một; ngoài chính mình ra, thứ gì cũng chẳng có! Giống như trong mộng, toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do tâm của chính mình biến hiện. Trong mộng có nhiều người, nhiều sự, nhiều vật, toàn bộ đều do tự tâm biến hiện. Thật sự đúng như đức Phật đã nói: “*Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Ngoài tâm chẳng có mộng, ngoài mộng chẳng có tâm*”. Quý vị dần dần thấu

hiểu, thật sự thấu hiểu, tâm từ bi sẽ phát xuất. Vì sao? Chẳng có ai không yêu thương chính mình! Đã biết toàn thể vạn sự, vạn vật trong vũ trụ là chính mình, tâm đại bi mới có thể sanh khởi được. Đó là chân tâm, chẳng phải là hư vọng, tâm yêu thương chân thành.

Thật ra, trước khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, tổ tiên Trung Quốc cũng đã từng nói đến đạo lý này, nhưng chẳng nói tỉ mỉ như trong kinh Phật. Lão Tử nói: “*Thiên địa dĩ ngã đồng căn, vạn vật dĩ ngã nhất thể*” (trời đất và ta cùng cội rễ, vạn vật và ta cùng một thể), chẳng phải là ý nghĩa này ư? Lão Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp mặt, cũng chẳng trao đổi tin tức, đó gọi là “anh hùng có cách nhìn đại lược giống nhau!” Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy, Lão Tử cũng nói đến. Nếu chẳng thấy, làm sao Ngài có thể nói được? Ất phải có nhận biết giống như vậy, nhận biết vũ trụ là một Thể, tâm từ bi chân thành mới sanh ra được. Sau đây thì sao? Đối với hết thảy chúng sanh chắc chắn không có tâm tổn hại, quý vị yêu thương họ. Quý vị không chỉ giết họ, mà ngay cả gây tổn hại cho họ cũng chẳng thể làm được, đó là tánh đức trong tự tánh thấu lộ viên mãn. Không chỉ chẳng gây tổn hại, mà quý vị nhất định có tâm thành tựu người khác, khiến họ được vui sướng, thật sự có lòng giúp đỡ kẻ khác, khiến cho kẻ khác thành tựu. Nếu ta chẳng quen biết kẻ đó, kẻ đó lại chẳng có liên quan gì với ta, ta cần gì phải làm chuyện tốt ấy, cần gì phải giúp đỡ kẻ chẳng thân thiết, chẳng có quan hệ gì với ta? [Đó là tâm thái của kẻ] chưa giác ngộ, là tâm phạm phu! Người thật sự giác ngộ chẳng có tâm ý thức ấy! Người ấy chỉ biết căn tánh [chúng sanh] là lợi hay độn, đã chín muối hay chưa. Nếu căn tánh chín muối, nhạy bén, bèn giúp đỡ, thành tựu kẻ đó trước. Nếu kẻ đó thành Phật, sẽ phổ độ chúng sanh. Đối với người chí thân và bạn bè thân thiết của ta, nếu căn cơ của họ chưa chín muối, ta có thể tạm thời bớt giúp họ một chút, họ chưa chín muối mà! Một nguyên tắc là thành tựu điều tốt đẹp cho người khác, chẳng thành tựu điều ác, nhất định phải hiểu nguyên tắc này. Do vậy, không có tâm tổn hại, đối với hết thảy chúng sanh, đối với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, chẳng có tâm tổn hại.

Điều thứ hai, “*vô bức não tâm. Niệm Phật chi nhân, thân tâm an tĩnh, ư chư chúng sanh, thường khởi đại bi chi tâm, thâm gia mãn thương, linh đắc thoát khổ, thị danh vô bức não tâm*” (Tâm vô bức não: Người niệm Phật, thân tâm an tĩnh, thường khởi tâm đại bi đối với các chúng sanh, sanh lòng thương xót sâu xa, khiến cho họ được thoát khổ, điều đó gọi là “vô bức não tâm”). Bức (逼) là bức bách, nay chúng ta gọi là “áp lực”. Não (惱) là khiến cho kẻ khác sanh phiền não. [Vô tổn hại tâm và vô bức não tâm] đều thuộc về từ bi. Ở đây, kinh nói rất hay, điều trước là từ tâm, điều này là bi tâm. Bi là tâm thương xót. Tâm thương xót dấy lên, ở đây, nói rất hay, “*thân tâm an tĩnh*”. Nếu thân tâm chẳng thể an tĩnh, bi tâm chẳng thể sanh khởi, [bi tâm là] tâm thương xót, tâm đồng tình, vì sao? Thân tâm an tĩnh sanh trí huệ. Từ bi và trí huệ có mối liên quan, thân tâm chẳng an sẽ sanh phiền não, trong phiền não lấy đâu ra từ bi? Có lúc trong phiền não cũng có từ bi, đó là hai thứ trước trong bốn loại từ bi như kinh Phật đã dạy, phạm

phu có hai thứ ấy. Loại thứ nhất là Ái Duyên Từ Bi, nói chung là đối với thân bằng hảo hữu của chính mình, ta yêu mến họ, họ có quan hệ với ta, ta bèn giúp đỡ, yêu thương, chăm sóc họ. Nhưng nếu chẳng phải là thân bằng hảo hữu, tâm ấy chẳng thể sanh khởi. Đó là Ái Duyên Từ Bi. Người đọc sách có đức hạnh, có học vấn, tâm lượng mở rộng, đây cũng là như Đệ Tử Quy nói, người ấy đã đạt tới mức “*hễ là người, đều phải yêu thương*”, đạt đến cảnh giới ấy, trong Phật pháp gọi [cảnh giới ấy] là Chúng Sanh Duyên Từ Bi, mở rộng lòng yêu thương của chính mình, có thể từ bi đối với hết thảy chúng sanh, điều này rất khó có. Tại Trung Quốc, chúng ta gọi người như vậy là thánh hiền, đại thánh, đại hiền, tâm từ bi của họ thấu đến hết thảy chúng sanh là những người chẳng có may mắn quan hệ với họ. Điều thứ ba thuộc về Bồ Tát trong Phật môn, tức là Pháp Duyên Từ Bi. Ngài chưa phải là Phật, đang học Phật. Phật dạy vạn sự vạn vật trong khắp pháp giới hư không giới và ta là một Thê, Ngài học tập, Ngài cũng giống như Phật mở rộng tâm từ bi của chính mình đến rộng khắp hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Ngài chưa đoạn khởi tâm động niệm, chẳng còn phân biệt, chấp trước, nhưng vẫn còn khởi tâm động niệm. Đến cuối cùng là Vô Duyên Từ Bi, lòng từ bi này là của Phật. Ở đây nói tới Vô Duyên Từ Bi thì Vô Duyên là không có điều kiện. Hiện thời, có thể dùng hai chữ “điều kiện” để giải thích chữ Duyên, [vô duyên] là vô điều kiện. Vì sao vô điều kiện? [Ta và chúng sanh có cùng] một Thê, [đã là] một Thê, há có điều kiện? Do vậy, Phật là vô duyên đại từ đại bi, Bồ Tát là pháp duyên, thánh hiền là chúng sanh duyên, các phàm phu chỉ có ái duyên. Vì thế, người đạt đến địa vị thánh hiền có tâm từ bi, lòng yêu thương mở rộng, đúng là “*phàm là người, đều nên yêu thương*”. Thấy người tuổi tác chẳng khác cha mẹ ta cho lắm, bèn lễ kính người ấy chẳng khác cha mẹ của chính mình. Thấy kẻ tuổi nhỏ bằng cỡ con cái mình, bèn chăm nom kẻ ấy hết như con cái của chính mình. Đó là thánh hiền thế gian. Sự tu học trong Phật pháp chẳng có gì khác, cứ từng bước tiến cao hơn, quyết định chẳng có tâm thái bức nã!

Thứ ba là hộ pháp, “*nhạo thủ hộ tâm. Niệm Phật chi nhân, u Phật sở thuyết chánh pháp, đương tu bất tích thân mạng, thủ hộ, ái tích, thị danh nhạo bảo hộ tâm*” (tâm yêu thích gìn giữ, bảo vệ. Người niệm Phật đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, hãy nên chẳng tiếc thân mạng để bảo vệ, yêu mến, đó là tâm yêu thích bảo vệ). Đây chính là như chúng ta thường nói, chánh pháp tồn tại lâu dài. Phải làm như thế nào mới hòng chánh pháp tồn tại lâu dài? Quý vị nhất định phải tuân thủ pháp thì mới có thể hộ pháp. Không tuân thủ pháp, quý vị dùng điều gì để hộ pháp? Do vậy, trong bốn chữ này, đức Phật chẳng nói “*nhạo hộ pháp tâm*” (tâm thích hộ pháp), mà nói “*thủ hộ tâm*”, chữ Thủ (守) là mấu chốt, có thể làm được hay không? “*Thủ*” là thọ trì. Ngày nay Phật pháp suy vi, chúng ta muốn tuân thủ Phật pháp, chiếu theo Phật pháp để tu hành, tự nhiên có hộ trì trong ấy; nhưng quý vị có tin tưởng chánh pháp do đức Phật đã nói hay không? Có thể lý giải hay không? Đây là mấu chốt. Thật sự lý giải thì quý vị mới có tín tâm, chẳng hiểu rõ thì lòng tin ấy chính là mê tín, mê tín sẽ bị dao động rất dễ dàng. Do vậy, Phật pháp nói tới chánh tín, chánh tín là gì? Quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch lời đức Phật dạy,

đấy là chánh tín. Hiểu rõ ràng, minh bạch rồi quý vị mới thật sự y giáo phụng hành. Ta thật sự quy y, quy y là bái sư, bái ai làm thầy? Bái A Di Đà Phật làm thầy, bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy. Quy y chính là bái sư, quy y Tam Bảo, chẳng nói quy y vị pháp sư nào! Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói rõ ràng, minh bạch. Nhất là trong Lục Tổ Đàn Kinh, tổ sư đời thứ sáu của Thiên Tông là Huệ Năng đại sư đã nói đơn giản, minh bạch. Ngài truyền trao quy y cho người khác, dạy người ta “quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, Ngài chẳng nói “quy y Phật, Pháp, Tăng”. Vì sao? Chúng ta có thể suy ra rằng: Trong thời Ngài, Phật pháp đã truyền đến Trung Quốc khoảng chừng hơn bảy trăm năm, thời gian lâu ngần ấy, cho nên càng truyền càng bị sai ngoa. Người bình phàm nầy sanh hiểu lầm đối với Phật pháp, hễ nhắc tới quy y Phật, bèn nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quy y Pháp, ngay lập tức nghĩ đến kinh điển; quy y Tăng liền nghĩ đến người xuất gia. Quý vị quy y như vậy là sai bét rồi, quy y chẳng phải là ý nghĩa ấy!

Do vậy, Tổ chẳng dùng Phật, Pháp, Tăng, mà dùng Giác, Chánh, Tịnh rồi lại giải thích cho quý vị. Phật là Giác, Phật có nghĩa là Giác, giác mà không mê là quy y Phật. Quý vị thấy trong ấy há có mê tín? Chánh chứ không tà, chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến, đó là quy y Pháp. Sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đó là quy y Tăng, mang ý nghĩa ấy. Vì thế, Phật là tự tánh giác, Pháp là tự tánh chánh, Tăng là tự tánh tịnh, nói tới tự tánh Tam Bảo, chẳng phải là bên ngoài, quý vị mới thật sự quy y. Chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian để biểu diễn, thân hành, ngôn giáo, đích thân biểu diễn giác, chánh, tịnh, miệng giảng cho quý vị cũng là giác, chánh, tịnh, hoàn toàn giúp chúng ta trở về tự tánh. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là nương cậy, quay đầu nương theo gì? Nương theo trí huệ và đức tướng trong tự tánh, chẳng phải là cậy vào bên ngoài, ngàn muôn phần các đồng học phải ghi nhớ điều này! Nếu quy y một vị pháp sư hay hòa thượng nào đó, hồng bét rồi, vị ấy có đại triệt đại ngộ hay không? Vị ấy có minh tâm kiến tánh hay không? Nếu vị ấy chưa đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh, vị ấy là phàm phu trong lục đạo, ta quy y vị ấy chẳng phải là vẫn tạo nghiệp lục đạo ư? Thầy tạo nghiệp lục đạo, dẫn dắt quý vị vẫn tạo nghiệp lục đạo, chẳng ra khỏi được! Vì thế, đối với chánh pháp do đức Phật đã nói, chẳng thể không học tập, chớ nên không hiểu rõ ràng; sau khi hiểu rõ bèn phải thực hiện, ta chẳng tiếc thân mạng cũng phải thực hiện. Thân mạng là tỷ dụ, [chẳng tiếc thân mạng] tức là chẳng sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, chúng ta buông xuống, thân mạng cũng chẳng cần thì còn có gì chẳng buông xuống được? Phật dạy chúng ta trì giới, chúng ta thật sự làm.

Tịnh Tông Học Hội thành lập, khi ấy, tôi ở Mỹ, tôi khuyên các đồng tu học tập năm khoa mục. Kinh Phật có nội dung quá phong phú, học trọn hết thì quá phức tạp, cũng chẳng thể nhớ nổi! Đơn giản là nhớ kỹ năm khoa mục, chẳng cần dùng đến sách vở mà quý vị có thể ghi nhớ kỹ càng. Đầu tiên là chúng ta phải học Tam Phước. Con người chẳng thể không có phước báo, trước tiên là tu tam phước. Tam phước là “tánh, tu bất nhị”, chúng có sẵn trong tự tánh, chúng ta chịu tu theo tam phước trong tự tánh là đúng. Câu đầu tiên là “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết,

tu thập thiện nghiệp”. Đó là gì? Tu phước. Tu phước theo kiểu ấy sẽ hoàn toàn tương ứng với tánh đức trong tự tánh. Đức Phật coi trọng, quý vị thấy nhà Phật thường nói “*phước huệ song tu*”, đặt phước đằng trước, đặt huệ đằng sau. Người thế gian chúng ta cũng hy vọng có phước trước, rồi mới cầu trí huệ, nên Phật làm cho chúng sanh mãn nguyện. Như vậy thì phước báo của quý vị do tu từ đâu mà thành? Từ hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, từ tâm chẳng giết, tu mười thiện nghiệp, phước báo do đấy mà có. Chúng ta chiếu theo đó để tu, phát tâm cách nào cũng tu chẳng thành, tu mấy năm vẫn chẳng có hiệu quả, thôi đi, chẳng cần nữa! Vẫn là ta làm theo kiểu của ta, thoái chuyển rồi, người như vậy quá nhiều! Do đó, chúng ta hãy nên phản tỉnh sâu xa, vì sao cổ nhân làm được? Chẳng cần nói đến thời rất xa, một trăm năm hay tám mươi năm trước, nói chung, người thuộc tám mươi năm trước quá nửa là có thể làm được. Một trăm năm trước, tôi thiếu có từ tám mươi đến chín mươi phần trăm có thể làm được! Người hiện thời làm không được, vì nguyên nhân gì? Tuổi nhi đồng của chúng ta đã coi nhẹ, bỏ sót, không vun bồi căn cơ giáo dục. Căn cơ ấy là gì? Chính là ba căn bản của Nho, Thích, Đạo, tức là những điều chúng tôi đề xướng trong mấy năm gần đây. Căn bản của Nho là Đệ Tử Quy, dùng nó làm đại biểu, căn bản của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn bản của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Tám mươi năm trước, trẻ nhỏ ắt phải học ba thứ ấy nên chúng có căn bản. Ai dạy chúng nó? Cha mẹ dạy, cha mẹ thấy đều làm được. Từ lúc sanh ra, trẻ nhỏ đã thấy, nghe từ cha mẹ, tai nghe quen, mắt nhìn quen, tự nhiên học được. Cổ nhân Trung Quốc có câu: “*Thượng lương bất chánh, hạ lương oai*” (kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch), “kèo trên” là gì? Kề làm cha mẹ! Cha mẹ đã chánh, lẽ nào con cái bất chánh? Cha mẹ bất chánh, làm sao con cái chánh cho được? Vấn đề xuất hiện ở chỗ này.

Vì vậy, chúng tôi đưa ra ba căn bản giáo dục ấy, “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn trọng thầy) được thực hiện bằng Đệ Tử Quy, “từ tâm chẳng giết” được thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, câu cuối cùng là tu Thập Thiện Nghiệp. Do có rất nhiều người hỏi tôi: “Thưa pháp sư Tịnh Không! Vì sao thầy đề xướng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên? Những thứ ấy đều chẳng phải là Phật giáo”. Họ không biết, từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc không học Tiểu Thừa. Trong kinh điển, đức Phật đã dạy: “*Phật tử không học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật*”, Phật không thừa nhận. Có sao quý vị chẳng làm theo quy củ của đức Phật? Các kinh luận Tiểu Thừa được dịch sang tiếng Hán vô cùng đầy đủ, tôi chẳng chú tâm nghiên cứu, nhưng Chương Gia đại sư bảo tôi, đối chiếu Tam Tạng của Nam Truyền Tiểu Thừa với Tứ A Hàm [trong Hán Tạng, tạng Nam Truyền] chỉ nhiều hơn [các kinh điển Tiểu Thừa trong Hán Tạng] năm mươi mấy bộ. Gần ba ngàn bộ kinh điển mà chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, có thể thấy Tứ A Hàm đã được phiên dịch khá hoàn bị. Phật giáo sau khi được truyền đến Trung Quốc, đúng là trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, đặt vững cơ sở nơi Tiểu Thừa; vì sao từ giữa đời Đường trở đi chẳng cần nữa? Hai tông Tiểu Thừa, tức Thành Thật Tông và Câu Xá Tông, chẳng còn nữa, hiện thời ngay cả tên gọi cũng chẳng nghe nói tới. Tổ sư đại đức Trung Quốc dùng Nho và Đạo

để thay thế Tiểu Thừa vẫn được! Quý vị thấy một ngàn bảy trăm năm qua, trải các đời, bao nhiêu cao tăng đại đức, bao nhiêu vị tổ sư xuất hiện, cũng có nghĩa là dùng Nho và Đạo để thay thế bèn tốt đẹp, càng thân thiết hơn nữa. Hơn nữa, tâm lượng của Nho và Đạo rộng rãi hơn Tiểu Thừa, chẳng thua kém Tiểu Thừa. Chúng ta phải hiểu chuyện lịch sử này, hiểu sự dụng tâm của tổ sư đại đức, dùng Nho và Đạo để thực hiện phước thứ nhất trong ba phước, phước thứ nhất là căn cơ. Có ba căn bản ấy, đức hạnh của quý vị sẽ thành tựu, có đức hạnh bèn có phước báo thật sự. Không có đức hạnh, phước báo ấy là giả, chẳng thật, thường là giống như hoa Đàm thoáng hiện! Do vậy, ngôn ngữ có câu: “*Phú bất quá tam đại*” (chẳng ai giàu ba đời), đạo lý là ở chỗ này, vì sao? Kẻ đó thiếu căn cơ. Phải có căn cơ thì mới có thể kéo dài đời đời kiếp kiếp. Kẻ ấy biết tích công lũy đức, dẫu phú quý vẫn tu đức, tiếp tục tu không ngừng, đời đời kiếp kiếp hưởng thụ chẳng cùng, những điều này đều là thật.

Có phước thứ nhất thì mới có thể nhập Phật môn, quý vị thấy điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, tức là đã nhập môn. Trước khi nhập môn phải có điều kiện, điều kiện là phước thứ nhất. Phước thứ nhất là như trong kinh điển ta thường thấy nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” vì họ trọn đủ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, họ là thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên mới có thể thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, đó là nhập môn. Tam Quy, giới luật, oai nghi đều có thể tu khá lắm, đức hạnh thành tựu giống như A La Hán, như Bồ Tát. Điều ấy mới khiến cho quý vị thật sự tu Giới, tu Định, tu Huệ trong Đại Thừa. Điều thứ ba là “*phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”, đó là tam phước. Mười loại tâm như chúng ta đang đọc ở đây đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều là Bồ Đề tâm, mỗi điều đều đầy đủ viên mãn chín điều kia. Bồ Tát phát tâm là đệ nhất. Đã phát tâm, quý vị bèn có phương hướng, có mục tiêu. Sau đây là tin sâu nhân quả, câu này rất quan trọng, câu quan trọng nhất là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”, quý vị có thể tin tưởng nhân quả ấy, trở về Tịnh Độ, chắc chắn thành tựu trong một đời này, chẳng còn bị lạc đường nữa! Đọc tụng Đại Thừa, chính mình đã thành tựu. Câu cuối cùng là dạy người khác, đã tự hành, phải hóa tha. Bồ Tát phải độ chúng sanh; nếu không giúp đỡ người khác, chẳng phải là Bồ Tát! Vì thế, sau đó bèn khuyến tấn hành giả, quý vị phải khuyên lon, phải giúp người khác tinh tấn, phải giúp người khác thành tựu. Quý vị thấy ba phước thành tựu sẽ tự nhiên giống như Bồ Tát, Bồ Tát là như thế nào? Bồ Tát là Lục Hòa. Lục Hòa Kính là Bồ Tát, Lục Hòa Kính chẳng có tâm tổn hại, chẳng có tâm bức nã, thật sự thích thú hộ. Có đầy đủ đức hạnh như vậy rồi mới thâm nhập kinh tạng, tu Giới, Định, Huệ, tu Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là Lục Độ, tu mười nguyện Phổ Hiền, tiếp nhận mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khi Tịnh Tông Học Hội thành lập tại Mỹ, chúng tôi đã viết một bài giới thiệu duyên khởi. Trong duyên khởi, nhắc đến năm khoa mục ấy, lấy [năm khoa mục ấy] làm tiêu chuẩn, phương hướng và mục tiêu tu học của chúng ta. Con người hiện thời có nói: “*Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời*”. Chúng ta khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nêu gương tốt đẹp cho xã hội, chớ nên nêu gương xấu!

Thứ tư, “*vô chấp trước tâm. Niệm Phật chi nhân, thường dĩ trí huệ quán sát u nhất thiết pháp, bất sanh chấp trước, thị danh vô chấp trước tâm*” (Tâm chẳng chấp trước: Người niệm Phật thường dùng trí huệ quán sát hết thấy các pháp, chẳng sanh chấp trước, đó là tâm không chấp trước). Vô chấp trước cần có gì? Phải có trí huệ, không có trí huệ là không được, phải có trí huệ chân thật. Trí huệ do đâu mà có? Từ tâm thanh tịnh phát ra, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Chớ nên chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, vì sao? Trong kinh giáo Đại Tiểu Thừa, đức Phật đã giảng vô cùng rõ ràng luân hồi trong lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước mà ra. Chẳng còn chấp trước nữa, quý vị cũng rất dễ vượt thoát luân hồi. Chỉ cần quý vị có chấp trước, sẽ chẳng vượt thoát luân hồi; luân hồi do chấp trước biến hiện. Đức Phật bảo ngoài lục đạo còn có bốn thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, [bốn pháp giới ấy] cao hơn chúng ta. Họ do nguyên nhân gì mà có? Họ có tâm phân biệt, chẳng có tâm chấp trước, họ có tâm phân biệt cho nên có bốn thánh pháp giới. Chấp trước là Phiền Nã Chương, vô lượng vô biên phiền nã đều từ đây sanh ra, quý vị buông xuống bèn chẳng còn có chuyện gì nữa! Phân biệt là Sở Tri Chương, hai thứ chương ngại này đều chương ngại con người mình tâm kiến tánh. Nếu chúng ta trở về tự tánh, hai thứ chương ngại ấy đều chẳng còn nữa. Vì vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chúng ta buông chấp trước xuống (Kiến Tư phiền nã đã đoạn), bèn chứng quả A La Hán, thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán vượt thoát lục đạo. Bởi lẽ, lục đạo là mộng cảnh, chỉ cần Chánh Giác hiện tiền, lục đạo chẳng còn nữa, đã tỉnh giấc rồi, đã tỉnh khỏi giấc mộng rồi. Sau khi tỉnh lại, vẫn còn trong mộng, [bởi lẽ] lục đạo là mộng trong mộng, đó là gì? Bốn thánh pháp giới. Bốn thánh pháp giới vẫn là mộng cảnh. Ất phải buông phân biệt xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt. Tâm phân biệt đoạn mất, tâm ấy càng thù thắng hơn tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có chấp trước, nhưng có phân biệt. Trong tâm bình đẳng không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có. Nay chúng ta nói là “hòa hài” (hỗ tương hợp tác, ý kiến hòa hợp), nói đến hòa bình khó lắm. Vì sao hòa bình khó khăn dường ấy? Người nào đạt được hòa hài chân thật? Bồ Tát! A La Hán cũng chưa làm được, vì sao? Bồ Tát chứng đắc tâm bình đẳng, hễ bình đẳng bèn hòa!

Bởi lẽ đó, người Trung Quốc nói đến hòa bình thì “*hòa*” do đâu mà có? Do bình mà có, tức là do bình đẳng mà có. Người Trung Quốc nói đến quả trước, sau đây mới nói đến nhân. Người Nhật nói thành “*bình hòa*” (heiwa) tức là nói nhân trước, quả sau; quý vị hãy xem văn tự của Nhật Bản. Bất bình lẽ nào có hòa hợp? Cao hơn thanh tịnh! Vì vậy, trong bốn thánh pháp giới, chủ yếu là tu tâm bình đẳng. Trong tựa đề kinh này có “*thanh tịnh bình đẳng*”, Bồ Tát tu bình đẳng. Buông phân biệt xuống, bình đẳng hiện tiền, trong Phật pháp nói quý vị đã chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán chứng Chánh Giác, Bồ Tát chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, Đẳng là bằng với Phật. Lại lên cao hơn nữa là phá vô minh phiền nã, vô minh phiền nã là gì? Khởi tâm động niệm. Quý vị thấy: Không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà kể cả khởi tâm động niệm cũng không có, đó gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật.

Hành nhân tu hành chứng quả, “hành nhân” là học trò. Nói theo cách bây giờ, cũng có thể nói [hành nhân] là người tu hành, có thể giải thích hành nhân là người tu hành, phải thường dùng Giới, Định, Trí Huệ. Ngài nói “thường dùng trí huệ”, tôi thêm vào trước đó Giới và Định, vì trí huệ do Giới và Định mà có. Giới có thể đắc Định; không trì giới, tâm quý vị sẽ chẳng định được! Trì giới chẳng nhằm mục đích nào khác, nhằm đắc Định! Thiền Định vẫn là phương tiện, chưa phải là mục đích, vì sao phải tu Định? Nhằm khai trí huệ; tâm định, trí huệ sẽ khai. Trí huệ quán hết thấy các pháp, quý vị mới thật sự có thể triệt để buông xuống chấp trước, phân biệt, khởi tâm động niệm! Vì sao? Đó là giả, là chướng ngại, chướng ngại trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh của quý vị. Quý vị nói nay ta muốn phát tài, ta mong sẽ có hết thấy của cải, quý vị có thể có toàn bộ địa cầu được hay không? Có thể. Quý vị có thể biến toàn thể địa cầu thành hoàng kim, châu bảo được không? Có thể. Vì sao nay quý vị không làm được? Vì quý vị có chấp trước, khiến cho toàn bộ đức năng trong tự tánh bị chướng ngại, quý vị sống khổ sở ngàn ấy! Nếu khôi phục, quý vị sẽ giống như A Di Đà Phật. Quý vị thấy Ngài trụ trong thế giới Cực Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu với chúng ta một phần vạn, làm sao có thể giới thiệu trọn hết cho được?

Trong thế giới Cực Lạc, thân thể như thế nào? Thân Kim Cang bất hoại, thật sự là vô lượng thọ, chẳng già, vĩnh viễn chẳng già yếu. Quý vị có muốn hay không? Hoàn cảnh cư trụ của quý vị là cung điện bảy báu; hiện thời chúng ta dùng những thứ trần châu, mã não làm đồ trang sức, quý báu khôn ngần. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy là vật liệu để xây dựng, chỗ nào cũng có! Hoàng kim quý báu vô cùng, nhưng trong thế giới Cực Lạc, hoàng kim để lót đường, giống như nhựa đường trong thế gian này được dùng để lót đường! Từ chỗ này, quý vị nghĩ xem sự phú quý nơi ấy là gì? Chính là những thứ quý vị vốn tự mình sẵn có! Thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch, trong thế gian này chẳng có chút gì hiếm hoi, lạ lùng! Giống như quý vị thuộc gia đình đại phú đại quý, nay đến nơi đây du lịch vẫn cảnh, thấy thổ dân ở nơi này đeo những món trang sức bằng đồng hay bằng thiếc. Quý vị thấy họ cảm thấy những thứ đó đẹp đẽ khôn xiết, quý vị cười mà thôi, hiểu rõ rồi! Quả thật người trong thế giới Cực Lạc, đừng nói thế giới Cực Lạc, chư thiên [trong thế giới Sa Bà] thấy loài người chúng ta đáng thương lắm! Nếu chúng ta nhất niệm hồi quang, tiến lên, đặc biệt là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thấy hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư là cảnh giới gì? [Cảnh giới ấy do] A Di Đà Phật tự nói, tuyệt đối chẳng phải là lời giả, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này có nghĩa là: Chỉ sợ quý vị không đến được thế giới Cực Lạc, chỉ sợ chẳng vãng sanh; hễ thật sự đến thế giới Cực Lạc, đến nơi ấy với phẩm vị thấp nhất thì trí huệ, thần thông, đạo lực và sự hưởng thụ của quý vị chẳng khác Thất Địa Bồ Tát. Pháp môn này được gọi là pháp khó tin, đúng là khó tin! Nhưng chúng ta tin tưởng Phật chẳng nói dối, chẳng nói lời giả, lời Phật nói chắc chắn chân thật, chẳng giả, chúng ta thật sự làm thì sẽ thật sự đạt được.

Cơ hội này chẳng phải là ngàn năm khó gặp, thời gian một ngàn năm quá ngắn ngủi! Cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Vô lượng kiếp lai hy hữu nan phùng đích nhất thiên*” (một ngày khó gặp hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay), chúng ta đã gặp gỡ! Vô Tắc Thiên đã viết lời kệ Khai Kinh cho kinh Hoa Nghiêm: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ); nay chúng ta đã gặp gỡ, nếu ở trước mặt mà bỏ lỡ, đúng là quý vị đã sai lầm quá đổi! Đặc biệt là chúng ta thấy trong hiện thời tai nạn nhiều ngàn ấy, các đồng học học Phật hiểu rõ, trong tâm đã có căn cứ, biết tai nạn phát sanh như thế nào, cũng biết dùng phương pháp gì để hóa giải, hãy giành lấy duyên phận thù thắng này, nắm chắc niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, điều đó càng thù thắng hơn. Hoàn cảnh hiện thời có lợi rất lớn, vì sao? Chẳng có hoàn cảnh như vậy thì quý vị vẫn chẳng phát tâm, hãy còn lưu luyến thế gian này. Nay đã biết trong hoàn cảnh hiện tiền, chẳng thể lưu lại được, chẳng có vật nào ở ngoài thân mà hông giữ được, ngay cả thân thể của chính mình sợ còn chẳng giữ được! Hãy thừa cơ hội này mà ra đi thì tốt lắm! Thời gian hai ba năm là đủ rồi, nhiều vị đại đức xưa nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Vì thế, phải dùng Giới, Định, Huệ để quan sát hết thấy các pháp, điều quan trọng là chớ sanh chấp trước. Hãy thực hiện trong cuộc sống hằng ngày, học theo Thích Ca Mâu Ni Phật hết thấy tùy duyên: Đối với chuyện ăn uống, sinh sống, người khác cúng dường gì ăn nấy, chớ nên chấp trước, đừng nên phân biệt, hãy thực hiện từ chỗ này, hãy tùy duyên trong ăn uống, sinh sống. Chớ nên cầu cạnh bất cứ ai, hãy tùy phận sống qua ngày, thật thà niệm Phật, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, đó gọi là tu hành chân thật. Thật sự chẳng có tâm chấp trước, đối đãi bình đẳng với hết thấy mọi người, đối xử hòa thuận, và cũng thật sự thực hiện Lục Hòa Kính. Phần sau hãy còn sáu điều nữa, nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!